TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 17 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 77/2026/DS-ST
Ngày: 28-4-2026
V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 17 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Bích Huế

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Thanh Cần;

Bà Lê Thị Mộng Tuyền.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đỗ Đức Thắng - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 17 – Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 17 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Phạm Văn Giáp - Kiểm sát viên.

Trong ngày 28/4/2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 17 – Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 245/2025/TLST-DS ngày 04/11/2025 về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 79/2025/QĐXXST-DS ngày 01/4/2026, Quyết định hoãn phiên tòa số 86/2026/QĐST-DS ngày 21/4/2026 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng TMCP N1 (V) địa chỉ: Số A T, phường L, quận H, Thành phố Hà Nội (nay là phường H, Thành phố Hà Nội). Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Thanh T - Chủ tịch Hội đồng quản trị. Người đại diện theo ủy quyền: 1. Ông Bùi Hữu T1 – Trưởng Phòng hàng lẻ của V. 2. Ông Phạm Nhật P, ông Mai Thanh H, bà Bùi Thị Kim N cùng là – Phó Phòng khách hàng bán lẻ của V, theo Giấy uỷ quyền ngày 02/01/2025.

- *Bị đơn:* Ông Vũ Văn L, sinh năm 1977, CMND số 280971586 cấp ngày 08/05/2014 tại Công an tỉnh B, địa chỉ: Lô B, dân cư V, 1, khu phố P, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN THẤY

Theo Đơn khởi kiện ngày 08/9/2025, Bản trình bày ý kiến ngày 20/01/2026, nguyên đơn và người đại diện bà Bùi Thị Kim N trình bày:

Theo đơn yêu cầu phát hành thẻ tín dụng Quốc tế ngày 20/6/2017, V cấp cho ông Lăng T2 tín dụng tín chấp số M0280000185 loại Master số tiền 30.000.000 đồng ngày 20/6/2017. Sau khi nhiều lần sử dụng thẻ tín dụng để thanh toán, ông L không

thanh toán tiền cho Ngân hàng. Tính đến ngày 20/01/2026, ông L nợ V 50.874.745 đồng, trong đó nợ gốc là 29.185.864 đồng, nợ lãi là 14.909.898 đồng, nợ phí là 6.778.983 đồng. Do ông L vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên V khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết các vấn đề sau:

Buộc ông L thanh toán cho V toàn bộ nợ lãi và phí phạt chậm trả tạm tính đến hết ngày 20/01/2026 là: 50.874.746 đồng, trong đó nợ gốc là 29.185.864 đồng, nợ lãi là 14.909.898 đồng, nợ phí là 6.778.983 đồng. Buộc ông L thanh toán nợ lãi, phí phạt chậm trả phát sinh sau ngày 21/01/2026 cho đến ngày thực tế ông L trả hết nợ cho V theo lãi suất thỏa thuận tại Yêu cầu phát hành thẻ tín dụng quốc tế ngày 20/06/2017. Chứng cứ nguyên đơn cung cấp gồm: Yêu cầu phát hành thẻ tín dụng Quốc tế ngày 20/6/2017 của ông L; Bản sao kê theo dõi tài khoản thẻ tín dụng của ông Vũ Văn L.

Bị đơn ông Vũ Văn L đã được Tòa án tống đạt Thông báo thụ lý vụ án; Giấy triệu tập và Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hoà giải lúc 08 giờ ngày 26/12/2025, lúc 08 giờ ngày 20/01/2026 và triệu tập tham gia phiên toà lúc 10 giờ ngày 21/4/2026, lúc 08 giờ ngày 28/4/2026 nhưng ông L vẫn vắng mặt không có lý do và cũng không gửi văn bản nêu ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Kết quả xác minh ngày 09/12/2025, đại diện Công an phường T nơi ông L đăng ký thường trú cung cấp thông tin như sau: Ông L, sinh năm 1977, địa chỉ: Tổ A, khu phố P, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh có đăng ký thường trú tại địa phương nhưng không thường xuyên sinh sống tại đây.

Tại phiên toà, đại diện V giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Tính đến ngày 27/4/2026, ông L nợ V tổng số tiền 52.457.964 đồng trong đó nợ gốc là 29.185.864 đồng, nợ lãi là 16.493.117 đồng, nợ phí là 6.778.983 đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 17, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm khẳng định Thẩm phán, thư ký, Hội đồng xét xử và người tham gia tố tụng chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Yêu cầu phát hành thẻ tín dụng quốc tế ngày 20/06/2017 được ký giữa V với ông L được lập theo thỏa thuận của các bên. Ông L đã rút 29.185.864 đồng từ thẻ tín dụng nhưng không thanh toán lại cho Ngân hàng. Ông L đã được thông báo về việc bị kiện và triệu tập đến Toà án làm việc, tham gia phiên toà nhưng ông vắng mặt không có lý do và cũng không có văn bản nêu ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện. Căn cứ tài liệu do nguyên đơn cung cấp cho thấy, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] V khởi kiện ông L về việc tranh chấp Hợp đồng tín dụng, căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 34, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự 2025, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND khu vực 17, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Ông L đã được thông báo về việc bị kiện; triệu tập đến Tòa án để trình bày ý kiến, cung cấp chứng cứ về lời trình bày của mình đối với yêu cầu khởi kiện; tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng ông vắng mặt không có lý do và cũng không có văn bản nêu ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Căn cứ Điều 228 và Điều 229 Bộ luật tụng dân sự, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Yêu cầu phát hành thẻ tín dụng quốc tế ngày 20/06/2017 được ký giữa V với ông L được lập theo thỏa thuận của các bên. Ông L đã rút tiền từ thẻ tín dụng, hiện còn nợ 29.185.864 đồng nhưng không thanh toán cho Ngân hàng. Tòa án cũng đã thông báo về việc ông L bị kiện; tống đạt giấy triệu tập ông L đến Tòa án để làm việc, tham gia phiên tòa nhưng ông L vắng mặt không có lý do và cũng không có văn bản nêu ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện. Điều này xem như ông L từ bỏ thực hiện quyền có ý kiến của mình, Tòa án căn cứ vào tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp để giải quyết.

[4] Ông L đã nhiều lần sử dụng thẻ tín dụng nhưng không thanh toán lại cho Ngân hàng: Lãi suất trả theo thỏa thuận là 12%/năm. Lãi suất quá hạn 18%/năm. Điểm b khoản 5 Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định nghĩa vụ trả nợ của bên vay như sau: "*Lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả bằng 150% lãi suất vay theo hợp đồng tương ứng với thời gian chậm trả, ...*". Từ năm 2017 đến nay ông L không thanh toán nợ cho V. Như vậy, Ngân hàng yêu cầu tính lãi suất quá hạn 18%/năm tính từ thời điểm rút tiền là phù hợp với thoả thuận và theo quy định của pháp luật.

[5] Ngân hàng có quyền thực hiện hoạt động cho vay, lãi suất do tổ chức tín dụng và khách hàng thỏa thuận theo quy định tại Điều 91, Điều 98 Luật tổ chức tín dụng năm 2010 sửa đổi, bổ sung năm 2017 (Điều 100, Điều 107 Luật tổ chức tín dụng năm 2024) nên thỏa thuận của các bên nêu tại Yêu cầu phát hành thẻ tín dụng quốc tế ngày 20/06/2017 là phù hợp. Ông L vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ vay nên V khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông L phải thanh toán nợ vay. Tiền nợ gốc và lãi tính đến ngày 27/4/2026 theo thỏa thuận là 52.457.964 đồng trong đó nợ gốc là 29.185.864 đồng, nợ lãi là 16.493.117 đồng, nợ phí là 6.778.983 đồng. Nợ lãi tiếp tục được tính từ ngày 28/4/2026 cho đến khi ông L hoàn thành nghĩa vụ trả nợ.

[6] Từ những nhận định nêu trên cho thấy, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp.

[7] Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

-Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 34, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 52, Điều 53, Điều 92, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 244, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án năm 2025;

- Điều 466 .

- Điều 100, Điều 103 và Điều 107 Luật tổ chức tín dụng năm 2024.

- Điều 26 và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội Khóa XIV quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn V với bị đơn ông Vũ Văn L về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng.

- Buộc ông Vũ Văn L thanh toán cho V 52.457.964 (Năm mươi hai triệu bốn trăm năm mươi bảy nghìn chín trăm sáu mươi bốn) đồng.

- Từ ngày 28/4/2026, ông Vũ Văn L còn phải thanh toán cho V tiền lãi quá hạn, lãi phạt được tính theo yêu cầu phát hành thẻ tín dụng quốc tế ngày 20/06/2017 cho đến khi hoàn thành nghĩa vụ trả nợ.

2. Án phí: Ông Vũ Văn L phải nộp 2.543.737 (Hai triệu năm trăm bốn mươi ba nghìn bảy trăm ba mươi bảy) đồng.

Hoàn trả cho V 1.201.500 (Một triệu hai trăm lẽ một nghìn năm trăm) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0029961 ngày 23/10/2025 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên toà được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND khu vực 17 - TP. Hồ Chí Minh;
- THADS TP. Hồ Chí Minh;
- P.THADS khu vực 17 - TP. Hồ Chí Minh;
- Đương sự;
- Lưu: HS, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Bích Huế